

Bản án số: 07/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 14/02/2023

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Hiếu và bà Đào Thị Thanh Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 1 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị M, sinh năm 1991.

ĐKKHKT và trú tại: Xóm H, thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Ngô Trần K, sinh năm 1986.

ĐKKHKT và trú tại: Xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị M có đơn xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Phạm Thị M trình bày: Chị và anh Ngô Trần K sau thời gian tự do tìm hiểu khoảng 1 năm đã tự nguyện Kt hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 6 năm 2013 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh K tại xóm 3, xã K và chung sống hạnh phúc khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Mặt khác do vợ chồng kết hôn với nhau đã lâu nhưng cũng không có con chung nên cũng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân nhau 7 năm nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh K để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh K không có con chung, nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh K không có tài sản chung. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Ngô Trần K hiện đang cư trú tại nhà mẹ đẻ anh K là bà Trịnh Thị Vam có địa chỉ tại xóm 3, xã Kim Định, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án cho anh Ngô Trần K và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh K thông qua mẹ đẻ anh K là bà Trịnh Thị V. Bản thân anh K cũng đã biết việc chị M khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh K không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị M và anh Ngô Trần K ly hôn.
- Án phí: Chị Phạm Thị M nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào Kt quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị M có đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” với anh Ngô Trần K, sinh năm 1986. Có nơi cư trú tại xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Ngô Trần K, anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Ngô Trần K có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 6 năm 2013 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh K là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi Kt hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh K tại xã K. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống, mặt khác vợ

chồng kết hôn và chung sống với nhau một thời gian dài nhưng không có con chung, do cuộc sống không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân nhau bảy năm nay và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh K không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh K vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh K không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa và đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã K xác định: Anh Ngô Trần K là con của bà Trịnh Thị V và ông Ngô Trần Đ trú tại xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Anh K và chị M đăng ký kết hôn tại UBND xã K năm 2013, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng với vợ chồng bà V quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được, nhưng việc anh K và chị M kết hôn và chung sống với nhau mà không có con chung cũng là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và ngày càng trầm trọng hơn. Qua nắm bắt ở cơ sở thì anh K và chị M đã sống ly thân nhau 6, 7 năm nay. Chị M đã chuyển đi nơi khác sinh sống làm ăn, còn anh K sinh sống cùng bà V. Chị M không về ở cùng anh K nữa. Nay chị M xin ly hôn anh K đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh K đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị không có con chung và đã có thời gian sống ly thân nhau 7 năm hiện mỗi người một nơi, cả hai không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, như vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị M và anh K không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh K không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Ngô Trần K.

2/ Về án phí: Chị Phạm Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004693 ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã K.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh